ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN LỚP: HÓA

Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2014-2015

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Hóa	Điểm xét tuyển
1	140025	Nguyễn Xuân Khánh	An	08/03/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4	8.8	4.75	8.5	34.55
2	140031	Phạm Tôn Bảo	An	21/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	3.25	7.8	7.5	9	36.55
3	140034	Phan Hoàng Thiên	An	28/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	7.8	6.5	7.5	34.55
4	140070	ĐINH TRÂM	ANH	21/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.5	5.3	8.25	8.25	34.55
5	140073	Đỗ Lê Trâm	Anh	18/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.75	7.1	5.25	9.25	36.6
6	140153	Nguyễn Phương	Anh	02/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	7	6	8.5	35.5
7	140170	Nguyễn Thụy	Anh	02/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	7.1	6	8.75	35.6
8	140255	Nguyễn Cảnh	Ân	10/07/1999	Tiền Giang	Nam	3.75	5.9	6.75	9.25	34.9
9	140280	Bùi Đình Quốc	Bảo	26/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6.25	7.3	5.5	8.5	36.05
10	140444	Bùi Lê Quốc	Doanh	10/05/1999	Long An	Nam	5	4.4	7.75	9	35.15
11	140474	ĐINH HỮU	DŨNG	24/07/1999	Hà Nam	Nam	5.25	4.9	6	9.25	34.65
12	140551	Trần Đức	Duy	04/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.75	6	7.5	8.75	34.75
13	140609	Trần Nguyễn Mạnh	Đan	22/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	8.1	9	9.5	41.1
14	140656	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	14/05/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	3.25	7.3	6.75	8.5	34.3
15	140713	Trương An	Đức	04/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.25	8	8.25	9.25	39
16	140727	Đỗ Quỳnh	Giang	23/04/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.25	7	6.5	7.75	34.25
17	140854	Ngô Hiếu Khả	Hân	10/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	7.3	5	9	35.3
18	140855	Nguyễn Cát	Hân	17/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	4.25	7.9	7.5	9	37.65
19	140904	Lý Bá	Hiệp	22/01/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	6	9.5	7.5	35.5
20	140908	Đào Trung	Hiếu	15/08/1999	Đồng Nai	Nam	4.5	6.5	7	9	36
21	141037	Đặng Hào	Hùng	30/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6	7.1	6	9.25	37.6
22	141067	Lê Hoàng	Huy	30/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.6	6.75	9.25	37.85
23	141127	TRẦN QUỐC	HUY	28/08/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	6.75	5.4	6.25	9	36.4
24	141135	Nghiêm Mỹ	Huyền	18/04/1999	Hà Nội	Nữ	5.25	7.5	4.75	9.5	36.5
25	141334	Lê Công Minh	Khoa	15/09/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.3	6	8.75	35.8
26	141379	Lê Nguyễn Nguyên	Khôi	30/10/1999	Đà Nẵng	Nam	6.25	9.8	6.75	9.25	41.3
27	141384	Nguyễn Anh	Khôi	24/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	7.5	4.5	9	34
28	141591	NGUYỄN HOÀNG	LONG	06/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	7.4	6.5	8.75	35.4
29	141798	Lê Hoàng Nhật	Nam	27/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	7.9	7.25	10	40.65
30	141827	Văn Phụng Thiên	Nga	25/02/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5.5	6.5	6	8.75	35.5
31	142061	Phạm Trí	Nhân	08/11/1999	Tiền Giang	Nam	4.25	6.4	5.75	9.5	35.4
32	142151	Nguyễn Đỗ Hồng	Nhung	26/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	7.4	5.25	8.75	37.15
33	142250	Nguyễn Ngọc Trịnh	Phong	14/07/1999	Đồng Nai	Nam	5.25	5.5	5	9	33.75
34	142256	Trương Cảnh Duy	Phong	10/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5	4.5	7	9.5	35.5
35	142289	NGUYỄN NGÔ GIA	PHÚC	04/10/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	5.8	5.75	9.25	34.55
36	142318	Vũ Minh	Phúc	23/11/1999	Đà Nẵng	Nam	3.5	6.6	6.5	8.75	34.1
37	142326	Đàm Quang	Phước	01/06/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4	8.1	6.5	9.5	37.6
38	142416	Đỗ Đăng	Quang	24/11/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	4.5	6	6.75	8.25	33.75
39	142479	Công Hiển	Quốc	07/12/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nam	5.5	9	6.5	8.5	38
40	142719	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/08/1999	Đồng Nai	Nữ	4.5	4.9	6	9.5	34.4
41	142802	Nguyễn Hữu	Thịnh	31/08/1999	Quảng Ngãi	Nam	4.25	7.9	7.5	9.75	39.15
42	142871	HUỲNH THANH	THỦY	09/07/1999	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	5	6.5	5.25	8.5	33.75

STT	SBD	Họ - tên lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Văn	Anh	Toán	Hóa	Điểm xét tuyển
43	142873	Lê Huỳnh An	Thủy	09/11/1999	Phú Yên	Nữ	7	7.4	5.75	9	38.15
44	142917	Nguyễn Anh	Thư	17/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	5	7	6.25	8.75	35.75
45	142972	TẠ HOÀNG TRANG	THY	16/12/1999	Tây Ninh	Nữ	4.5	8.4	6	8.25	35.4

Danh sách có 45 học sinh

Tp.HCM, ngày 23 tháng 6 năm 2014
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. TRẦN LINH THƯỚC